TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HS-ST
Ngày 18 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Đông.
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (điểm cầu trung tâm) và Phòng Cảnh sát bảo vệ của Nhà tạm giữ Công an huyện Giồng Trôm (điểm cầu thành phần) xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 22/7/1987 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: số a, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960 và bà Ngô Thị P, sinh năm 1960; bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn anh em; vợ: bị cáo từng chung sống như vợ chồng với Phạm Thị T, sinh năm 1987. Hiện đang sống chung như vợ chồng với Diệp Thị T, sinh năm 1992; con: có 01 người, sinh năm 2011 (con chung với Phạm Thị T); Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2023, chuyển tạm giam từ ngày 12/5/2023 cho đến nay. (có mặt)

2/ **Phạm Hải Tr**, sinh ngày 22/02/1997 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: số b, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em; vợ: Trần Thị Kim N, sinh năm 1993; con: có 01 người, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2023, chuyển tạm giam từ ngày 12/5/2023 cho đến nay. (có mặt)

** Người bị hại:*

Bà Phạm Thị D, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt có lý do)

** Người làm chứng:*

1/ Ông Lê Văn C, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng mặt)

3/ Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

5/ Bà Diệp Thị T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh B. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2022, Nguyễn Văn T cho Phạm Thị D mượn số tiền 19.400.000 đồng, D trả cho T được 2.000.000 đồng, số tiền 17.400.000 đồng còn lại D chưa trả cho T. T đòi tiền nhiều lần nhưng D chưa trả, đến khoảng 06 giờ ngày 06/5/2023, T điện thoại nhờ Phạm Hải T chở T đi tìm D để đòi tiền, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71C3-162.10 chở T đến chợ Cái Mít tại ấp Hưng Bình A, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tìm D. Trên đường đi, T nảy sinh ý định bắt giữ D nên nói với Tr "nếu phát hiện Diệu thì chụp lại"; lúc này, Tr biết và hiểu mục đích T kêu Tr bắt giữ D nên Tr đồng ý. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, T và Tr phát hiện Diệu đi từ trong chợ Cái Mít ra, Tr điều khiển xe chở T chạy theo D. Khi đuổi kịp D, Tr dùng tay trái nắm vai D lại rồi dừng xe cho T nắm tóc khống chế đẩy D lên xe mô tô của Tr. Sau đó, T kêu Tr chở D đến quán Hồng Thắm tại ấp Cái Tắc, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để đòi tiền. Tại quán Hồng Thắm, trong lúc T đang đòi tiền D thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm phát hiện lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr.

Cơ quan điều tra tạm giữ đồ vật:

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh trắng, màn hình cảm ứng, bên trong có 02 sim có số thuê bao: 0333005459 và 0345610239; tiền Việt Nam 51.680.000 đồng và 01 quyển tập học sinh loại 96 trang, ghi chữ "Thành Đạt", bên trong có ghi nhiều ký tự và chữ số; 01 mũ bảo hiểm màu xanh-đen-trắng-đỏ, loại trùm nửa đầu, trên nón có chữ "NIKE".

- Tạm giữ của Phạm Hải Tr: 01 xe mô tô biển kiểm soát 71C3-162.10, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh – trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, cảm ứng, vỏ màu vàng – đồng, số IMEI: 354983070628333, bên trong có gắn sim số thuê bao: 0345405056.

- Tạm giữ của Phạm Thị D: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Realme màu trắng bạc, ốp lưng màu xanh; bên trong ốp lưng điện thoại có 600.000 đồng tiền Việt Nam và 01 tờ Đô la Mỹ mệnh giá 1 USD.

Hiện trường vụ án xảy ra tại ấp Hưng Bình A, xã Thạnh Phú Đông và ấp Cái Tắc, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Hiện trường cụ thể nơi Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr bắt Phạm Thị D là tại đoạn lộ bê tông trước cổng Trạm y tế xã Thạnh Phú Đông ở ấp Hưng Bình A, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm; vị trí Diệu bị bắt cách trụ cổng bên trái 5,5m, cách mép lộ bê tông 1,7m. Hiện trường nơi T và Tr giữ D là tại quán nước Hồng Thắm ở ấp Cái Tắc, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm; vị trí T giữ D trong quán cách trụ cổng bên trái quán nước 05m, cách cột thứ nhất (từ ngoài vào) của quán nước 3,2m.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm đã xử lý vật chứng:

- Trả lại 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Realme màu trắng bạc, ốp lưng màu xanh; 600.000 đồng và 01 tờ Đô la Mỹ mệnh giá 1 USD cho Phạm Thị D vào ngày 16/5/2023.

- Trả lại 51.680.000 đồng và 01 quyển tập học sinh loại 96 trang, nhãn hiệu "Thành Đạt", bên trong có ghi nhiều ký tự và chữ số cho Nguyễn Văn T vào ngày 13/6/2023 (cha T tên Nguyễn Văn P nhận thay).

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 71C3-162.10, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh – trắng là phương tiện T và T thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh trắng, màn hình cảm ứng, bên trong có 02 sim số thuê bao: 0333005459 và 0345610239 và 01 mũ bảo hiểm màu xanh-đen-trắng-đỏ, loại trùm nửa đầu, trên nón có chữ "NIKE" là tài sản cá nhân của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, cảm ứng, vỏ màu vàng đồng, số IMEI: 354983070628333, bên trong có gắn sim số thuê bao: 0345405056 là tài sản cá nhân của Phạm Hải Tr. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm tiếp tục tạm giữ để xem xét xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Phạm Thị Di không yêu cầu Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr bồi thường. Đối với số tiền 17.400.000 đồng Phạm Thị D nợ Nguyễn Văn T, T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bản Cáo trạng số: 22/CT-VKSGT, ngày 20/7/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr phạm tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T có mức án từ 09 đến 15 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: xử phạt bị cáo Phạm Hải Tr có mức án từ 06 đến 12 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: không.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 71C3-162.10, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh – trắng là phương tiện Tr và T thực hiện hành vi phạm tội thuộc quyền sở hữu của Phạm Hải Tr nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh trắng, màn hình cảm ứng thuộc sở hữu của Nguyễn Văn T, điện thoại này liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 02 sim có số thuê bao: 0333005459 và 0345610239 và 01 mũ bảo hiểm màu xanh-đen-trắng-đỏ, loại trùm nửa đầu, trên nón có chữ "NIKE" là tài sản cá nhân của Nguyễn Văn T không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng, số IMEI: 354983070628333, bên trong có gắn sim số thuê bao: 0345405056 là tài sản cá nhân của Phạm Hải Tr không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo tài sản nói trên.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Phạm Thị D không yêu cầu Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr bồi thường nên không xem xét. Đối với số tiền 17.400.000 đồng Phạm Thị D nợ Nguyễn Văn T, T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên ghi nhận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người làm chứng Lê Văn C, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai rõ ràng và không có yêu cầu gì khác nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử

nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại và những người làm chứng nói trên theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra như biên bản sự việc, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, xác định bị hại Phạm Thị D nợ số tiền 41.400.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn T và bà Diệp Thị T, bị cáo T nhiều lần yêu cầu D trả nhưng D không có khả năng trả nợ. Vào khoảng 06 giờ ngày 06/5/2023, bị cáo Nguyễn Văn T rủ bị cáo Phạm Hải Tr chở Trung đi tìm bị hại D để đòi tiền nợ, Tr đồng ý. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Tr điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71C3-162.10 chở bị cáo T đến chợ Cái Mít tại xã Thạnh Phú Đông để tìm bà D đòi tiền nợ. Vào khoảng 07 giờ ngày, bị cáo T phát hiện bà D trong chợ đi bộ ra, hai bị cáo dùng tay nắm vai áo phía sau và nắm tóc của bà D để bắt bà Diệu lại, lôi kéo bà D lên xe mô tô cùng nhau chở bà D về quán cà phê "Hồng Thắm" tại ấp Cái Tắc, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để giữ, buộc bà D trả tiền nợ. Do bà D không có tiền trả nợ cho nên bị cáo T điện thoại cho bà Nguyễn Thị T là mẹ của D nói đã bắt được bà D và yêu cầu mang tiền đến quán cà phê "Hồng Thắm" để trả nợ thay cho D, bà T nói để đi mượn tiền. Một lúc sau, bà T điện thoại lại cho bị cáo T nói không mượn được tiền, nhưng sẽ thế chiếc xe mô tô của D cho bị cáo T, T đồng ý và kêu bà T mang xe lên. Trong lúc T và Tr đang giữ bà D tại quán cà phê "Hồng Thắm" thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Giồng Trôm bắt quả tang. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr với tội danh và điều khoản đã được viện dẫn tại Bản Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có đủ cơ sở nên được chấp nhận.

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì mục đích đòi nợ mà các bị cáo đã xâm phạm đến quyền thân thể, quyền tự do đi lại của người khác được pháp luật bảo vệ, hai bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, đối với hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội nên được xem là đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn. Đối với Nguyễn Văn T là người khởi sướng, lôi kéo bị cáo Tr để khống chế và bắt, giữ bị hại để đòi nợ cho cá nhân mình. Đối với bị cáo Tr tuy biết việc làm của T là vi phạm pháp luật nhưng vì tình cảm cá nhân mà bị cáo vẫn đồng tình cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo T. Do đó, xét về tính chất mức độ của hành vi thì bị cáo T là nặng hơn so với bị cáo Tr. Qua phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử cân nhắc để xem xét đưa ra mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo sau khi căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr không có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định tội, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trung, Triều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T có ông cố tên Nguyễn Văn T là Liệt sĩ; có bà cố tên Thạch Thị Q được Nhà nước tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng; có ông nội tên Nguyễn Văn H được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất; có Bác tên Nguyễn Văn B được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba; bị cáo Tr có Cậu tên Nguyễn Văn X là Liệt sĩ; có Bác tên Phạm Văn C là Liệt sĩ; có bà cố tên Hồ Thị N được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng; có ông ngoại vợ tên Trần Văn S được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì; có bà nội vợ tên Đặng Thị Đ được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì. Ngoài ra, hai bị cáo đang nuôi con nhỏ và được bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Nên hai bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo gây ra tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng xét về tính chất mức độ là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì lợi ích cá nhân mà các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do của người khác được pháp luật bảo vệ. Trên địa bàn hiện tại đã có rất nhiều trường hợp tương tự đã xảy ra nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và nhằm mục đích để răn đe các đối tượng đang có manh nha tư tưởng, hành động để thực hiện các hành vi tương tự như các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về hình phạt của các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 71C3-162.10, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh – trắng là phương tiện Tr và T thực hiện hành vi phạm tội thuộc quyền sở hữu của Phạm Hải Tr nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh trắng, màn hình cảm ứng của Nguyễn Văn T liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 02 sim có số thuê bao: 0333005459 và 0345610239 và 01 mũ bảo hiểm màu xanh-đen-trắng-đỏ, loại trùm nửa đầu, trên nón có chữ "NIKE" là tài sản cá nhân của Nguyễn Văn T không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng, số IMEI: 354983070628333, bên trong có gắn sim số thuê bao: 0345405056 là tài sản cá nhân của Phạm Hải Tr không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo tài sản nói trên.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Phạm Thị D không yêu cầu Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr bồi thường nên không xem xét. Đối với số tiền 17.400.000 đồng Phạm Thị D nợ bị cáo Nguyễn Văn T, T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên ghi nhận.

[10] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr phạm: "Tội bắt, giữ người trái pháp luật".

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2023.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: Phạm Hải Tr 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2023.

[2] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: từ bị cáo Phạm Hải Tr 01 xe mô tô biển kiểm soát 71C3-162.10, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh – trắng; từ bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh trắng, màn hình cảm ứng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Hải Tr 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng, số IMEI: 354983070628333, bên trong có gắn sim số thuê bao: 0345405056.

Tịch thu tiêu hủy từ bị cáo Nguyễn Văn T 02 thẻ sim có số thuê bao: 0333005459 và 0345610239 và 01 mũ bảo hiểm màu xanh-đen-trắng-đỏ, loại trùm nửa đầu, trên nón có chữ "NIKE".

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Thị D không yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản nào khác nên không xem xét.

[4] Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Hải Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại có quyền kháng cáo

Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (2b);
- Những người tham gia tố tụng khác (1b)
- Bộ phận thi hành án hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Minh Tâm